TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CÙ LAO DUNG** **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 19/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 20-6-2022
V/v ly hôn và tranh chấp về nuôi con khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÙ LAO DUNG, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Phước Tuấn.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Giáp.

Bà Lê Thị Thanh Nhã.

- Thư ký phiên tòa: Ông Tô Văn Thừa – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Ông Bùi Văn Minh - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 6 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 09/2022/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 02 năm 2022 về việc ly hôn và tranh chấp về nuôi con khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 16/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 5 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 11/2022/QĐST-HNGĐ ngày 08 tháng 6 năm 2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Trần Thị R, sinh năm 1986.

Nơi cư trú: Ấp A, xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng.

- *Bị đơn:* Anh Trần Minh Hải, sinh năm 1984.

Nơi cư trú: Ấp A, xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng.

Tất cả đều vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 11 tháng 02 năm 2022 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Trần Thị R trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Vào tháng 4 năm 2001, chị Trần Thị R và anh Trần Minh H tự nguyện sống chung và có tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương, nhưng đến ngày 05/10/2016 chị R và anh H mới đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A theo quy định pháp luật. Sau khi kết hôn chị R và anh H chung sống

hạnh phúc đến tháng 02 năm 2020 phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng ý kiến trong cuộc sống nên chị R và anh H sống không còn hạnh phúc, chị R và anh H không còn sống chung từ tháng 02 năm 2020 cho đến nay.

Về con chung: Trong thời gian chung sống chị R và anh H có 03 người con chung tên Trần Phú Q, sinh ngày 17/9/2002, Trần Khả D, sinh ngày 25/11/2003 và Trần Thy T, sinh ngày 06/4/2018, hiện nay cháu Q và cháu D đã thành niên, còn cháu T đang sống chung với chị R.

Về tài sản chung: Trong thời gian chung sống chị R và anh H có tài sản chung, nhưng chị R và anh H tự thỏa thuận.

Về nợ chung: Trong thời gian chung sống chị R và anh H không có nợ chung.

Nay chị R yêu cầu Tòa án giải quyết như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị R yêu cầu được ly hôn với anh Trần Minh H.

Về con chung: Chị R yêu cầu được nuôi con chung tên Trần Thy T, sinh ngày 06/4/2018 cho đến khi cháu T thành niên, chị R không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi cháu T. Cháu Q và cháu D hiện nay đã thành niên không mắc bệnh tật gì nên không yêu cầu xem xét, giải quyết.

Về tài sản chung: Do chị R và anh H tự thỏa thuận nên không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã ban hành thông báo thụ lý vụ án số 09/TB-TLVA ngày 17 tháng 02 năm 2022, tống đạt hợp lệ cho bị đơn anh Trần Minh H, nhưng anh H không có văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của chị R. Tòa án đã tiến hành triệu tập hợp lệ 02 lần đối với anh H để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng anh H đều vắng mặt không có lý do, nên Tòa án lập biên bản không tiến hành hòa giải được và cũng không có lời khai của anh H trong hồ sơ vụ án.

* Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự, trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, riêng bị đơn chưa thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án, xét thấy nguyên đơn, bị đơn thường xuyên mâu thuẫn với nhau do bất đồng quan điểm sống, không còn sống chung với nhau thời gian dài, không hàn gắn được nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn.

- Về con chung: Chị R và anh H có 03 người con chung tên Trần Phú Q, sinh ngày 17/9/2002, Trần Khả D, sinh ngày 25/11/2003 và Trần Thy T, sinh ngày

06/4/2018. Chị R yêu cầu được trực tiếp nuôi cháu T đến tuổi thành niên, xét thấy từ khi sinh ra đến nay cháu T đều do chị R trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và hiện nay cháu T đang do chị R trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Căn cứ vào khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình, đề nghị Hội đồng xét xử giao cháu T cho chị R trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi thành niên là phù hợp, chị R không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi cháu T nên không đặt ra xem xét. Căn cứ vào khoản 1 Điều 81; khoản 1, 3 Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình, giành quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu T cho anh H. Riêng hai cháu Trần Phú Q, sinh ngày 17/9/2002 và Trần Khả D, sinh ngày 25/11/2003 đã thành niên, không mắc bệnh tật gì, chị R không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

- Về án phí: Chị R có đơn yêu cầu ly hôn nên phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

Từ những phân tích trên đề nghị Hội đồng xét xử nghị án và tuyên án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về thủ tục thụ lý đơn khởi kiện của nguyên đơn và thẩm quyền giải quyết: Chị Trần Thị R và anh Trần Minh H cùng cư trú tại ấp A, xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng. Chị R có đơn khởi kiện yêu cầu được ly hôn với anh H và yêu cầu được trực tiếp cuôi con chung. Chị R đã nộp đơn khởi kiện tại Tòa án nhân dân huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng và các tài liệu, chứng cứ kèm theo, Tòa án nhân dân huyện Cù Lao Dung đã thụ lý đơn và thông báo cho chị R nộp tiền tạm ứng án phí theo quy định của pháp luật và chị R đã thực hiện việc nộp tiền tạm ứng án phí đúng quy định. Như vậy, việc Tòa án nhân dân huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng thụ lý đơn khởi kiện của chị Trần Thị R là đúng thẩm quyền và đúng theo trình tự thủ tục tố tụng theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 191 và Điều 195 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Nguyên đơn chị Trần Thị R và bị đơn anh Trần Minh H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai, chị R có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt, anh R vắng mặt không có lý do nên căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1, 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn chị Trần Thị R và bị đơn anh Trần Minh H.

[2] Về nội dung:

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị R, sinh năm 1986 và anh Trần Minh H, sinh năm 1984 tự nguyện đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng cấp giấy chứng nhận kết hôn số 87/2016 ngày 05 tháng 10 năm 2016 nên quan hệ hôn nhân giữa chị Trần Thị R và bị đơn anh Trần Minh H là hợp pháp.

[4] Xét lý do xin ly hôn của chị Trần Thị R, Hội đồng xét xử xét thấy, sau khi kết hôn cuộc sống vợ chồng chị R, anh H hạnh phúc được một thời gian. Đến tháng 02 năm 2020, thì phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng ý kiến trong cuộc sống nên vợ chồng không còn hạnh phúc, chị R và anh H không còn sống chung từ tháng 02 năm 2020 cho đến nay. Chị R và anh H đã bỏ mặc nhau làm cho tình trạng hôn nhân của vợ chồng chị R và anh H trở nên trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên căn cứ vào quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị R.

[5] Về con chung: Chị R và anh H có 03 người con chung tên Trần Phú Q, sinh ngày 17/9/2002, Trần Khả D, sinh ngày 25/11/2003 và Trần Thy T, sinh ngày 06/4/2018. Chị R yêu cầu được trực tiếp nuôi cháu T đến tuổi thành niên; riêng cháu Q và cháu D đã thành niên, không mắc bệnh tật gì, chị R không yêu cầu Tòa án giải quyết. Xét yêu cầu của chị R về yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung là cháu Trần Thy T, sinh ngày 06/4/2018, Hội đồng xét xử xét thấy, từ khi sinh ra đến nay cháu T đều do chị R trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, hiện nay cháu T đang do chị R trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và để cho cháu T ổn định cuộc sống. Căn cứ vào khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử quyết định giao cháu T cho chị R trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi thành niên là phù hợp đúng quy định của pháp luật. Căn cứ vào khoản 1 Điều 81; khoản 1, 3 Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình, giành quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu T cho anh H. Riêng hai cháu Trần Phú Q, sinh ngày 17/9/2002 và Trần Khả D, sinh ngày 25/11/2003 đã thành niên, không mắc bệnh tật gì, chị R không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6] Về cấp dưỡng nuôi con: Trong quá trình giải quyết vụ án, chị R không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi cháu T đến tròn 18 tuổi nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[7] Căn cứ vào khoản 1 Điều 81, khoản 1 và khoản 3 Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình, anh Trần Minh H có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu T mà không ai được cản trở. Anh H không được lạm dụng việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu T để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu T của chị R.

[8] Về tài sản chung, nợ chung: Chị R không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[9] Xét đề nghị của Kiểm sát viên về nội dung giải quyết vụ án là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[10] Về án phí: Chị Trần Thị R là người có đơn xin ly hôn nên căn cứ vào khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội, chị R phải chịu án phí sơ thẩm trong vụ án ly hôn là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1, 3 Điều 228 và khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Khoản 1 Điều 56, khoản 1 và khoản 2 Điều 81, khoản 1 và khoản 3 Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình;

- Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Trần Thị R và anh Trần Minh H ly hôn.

2. Về con chung: Giao cháu Trần Thy T, sinh ngày 06/4/2018 cho chị Trần Thị R trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi thành niên. Anh Trần Minh H có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung mà không ai được cản trở. Anh H không được lạm dụng việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung của chị R. Riêng hai cháu Trần Phú Q, sinh ngày 17/9/2002 và Trần Khả D, sinh ngày 25/11/2003 đã thành niên, không mắc bệnh tật gì, chị R không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Chị R không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi cháu T đến tròn 18 tuổi nên không đặt ra xem xét.

4. Về tài sản chung, nợ chung: Chị R không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

5. Về án phí: Chị Trần Thị R phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn 300.000 đồng, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0001785 ngày 11 tháng 02 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng. Như vậy, chị Trần Thị R đã nộp xong án phí.

6. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử theo trình tự phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Cù Lao Dung;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cù Lao Dung;
- TAND tỉnh Sóc Trăng (P.KTNV & THA);
- UBND xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu Tòa án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
Đã ký

Đặng Phước Tuấn